

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày 06 - 01 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Chính

Ông Hoàng Văn Thường

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Mạnh Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quang Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Quan Thị Tuyền - Kiểm sát viên

Ông Lù Thanh Tiến - Kiểm sát viên dự khuyết.

Ngày 06/01/2021 tại trụ sở thôn B, xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2020/TLST-HS ngày 24/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HS ngày 23/12/2020 đối với bị cáo:

- Lù Văn L, sinh năm 1987, tại huyện X, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: La Chí; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 13/10/2020; con ông: Lù Văn S, sinh năm 1949 (đã chết) và bà Vàng Thị X, sinh năm 1947 (đã chết); Vợ: Vàng Thị V sinh năm 1986; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lù Văn L: Bà Nguyễn Thị Thanh H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện Q do ông Lý Văn B, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 1, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X, huyện Q, là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

+ Anh Chấn Văn Tr, sinh năm 1992; trú tại: Thôn B, xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

+ Anh Vàng Văn Th, sinh năm 1996; trú tại: Thôn B, xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 3 năm 2019, Lù Văn L nảy sinh ý định lên khu vực rừng tự nhiên thuộc thôn B, xã X, huyện Q để chặt hạ, xẻ cây gỗ to về làm nhà. Lù Văn L mượn máy cưa xăng của Chử Văn Tr để lên rừng tìm thấy cây gỗ to sẽ chặt hạ. Khi đến khu vực đồi K, rừng B, xã X, huyện Q thuộc lô 45, khoảnh 11, tiểu khu 328 L nhìn thấy cây Gội nếp đã bị gãy một phần ngọn. Lợi dụng máy cưa xăng cắt hạ cây Gội nếp, sau khi cắt hạ xong L để lại cây trong rừng rồi đi về. Đến tháng 2 năm 2020, Lù Văn L sang nhà của Tr mượn máy cưa xăng từ vợ của Tr là Vàng Thị B để đi cắt cây Gội nếp ra thành từng khúc, L cắt được 01 khúc phần gốc thấy có nhiều vết nứt to nên không cắt thêm nữa mà đi về nhà. Đến ngày 22/8/2020 L gọi điện thoại cho Chử Văn Tr nhờ Tr lên hộ xẻ gỗ về làm nhà và bảo Tr cho mượn máy cưa xăng, Tr không hỏi gì và đồng ý, đến sáng ngày 23/8/2020 khi chuẩn bị lên rừng xẻ gỗ do sợ không kịp thời gian nên L gọi điện cho Vàng Văn Th nhờ hộ xẻ gỗ, Th đồng ý. Sáng ngày 23/8/2020 L cùng Th và Tr mang theo cưa xăng và cưa đi lên chỗ cây Gội. Khi lên đến nơi L đo khoảng gỗ cần dùng rồi bảo Tr dùng cưa xăng để xẻ, L và Th phụ giúp cho Tr xẻ. Cả ba người xẻ được 20 thanh gỗ thì L bảo thôi không xẻ nữa đi về. Trong quá trình vận chuyển gỗ xuống chỗ đất bằng bên dưới để xẻ thì có 01 khúc gỗ lăn vướng vào cây Sâng trà có đường kính khoảng 60 cm, thấy vậy L dùng cưa cắt hạ luôn cây Sâng trà với mục đích để mang về làm cột nhà. Tất cả số gỗ sau khi cắt, xẻ xong đều để lại tại hiện trường. Sau khi xẻ xong L thấy nhiều miếng gỗ có vân đẹp nên đã dùng điện thoại chụp ảnh lại rồi cùng nhau ra về. Khoảng 22 giờ ngày 23/8/2020, Lù Văn L đã dùng tài khoản cá nhân đăng lên mạng xã hội facebook bài viết có tiêu đề “*Bộ sập đẹp nhất cả việt nam luôn ae nào kết thì để lại (.) để tôi báo giá*” và “*Chánh covit an toàn*” kèm theo hình ảnh là tám gỗ Gội nếp. Ngay sau khi phát hiện hình ảnh trên mạng xã hội, Hạt kiểm lâm huyện Q đã tiến hành triệu tập, lấy lời khai của Lù Văn L. Quá trình xác minh, lấy lời khai Lù Văn L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, Hạt kiểm lâm huyện Q đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q.

Theo kết quả khám nghiệm hiện trường xác định được cây gỗ do Lù Văn L khai thác có tọa độ E409674; N2468496 và tọa độ E409620; N2468471 thuộc lô 45, khoảnh 11, tiểu khu 328. Theo quyết định số 1619/QĐ –UBND ngày 30/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch đất lâm nghiệp và ba loại rừng tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 -2025 thì vị trí 02 cây gỗ do Lù Văn L khai thác trái phép là rừng tự nhiên hỗn giao gỗ, tre, nứa núi đất, chức năng là rừng sản xuất và đã được cấp giấy chứng nhận cho cộng đồng dân cư thôn B, xã X. Khối lượng gỗ khai thác trái phép gồm: 01 cây gỗ Gội nếp (nhóm IV) có khối lượng 11,844 m³ và 01 cây gỗ Sâng (nhóm VI) khối lượng 0,593m³, trong đó gỗ xẻ là 1,940 m³, gỗ tròn 11,272 m³, tổng khối lượng gỗ quy tròn là 12,437 m³.

Tại kết luận định giá tài sản số 294/ KL- HĐĐG ngày 14/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Q kết luận:

Gỗ nhóm IV (gỗ Gội nếp) khối lượng $11,844\text{m}^3 \times 9.000.000 \text{ đồng/m}^3 = 106.596.000 \text{ đồng}$.

Gỗ nhóm VI (Gỗ Sâng) khối lượng $0,593\text{m}^3 \times 4.500.000 \text{ đồng/m}^3 = 2.668.500 \text{ đồng}$.

Tổng giá trị tài sản: 109.264.500 đồng (Một trăm linh chín triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm đồng chẵn).

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 24/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Lù Văn L về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm b khoản 1 điều 232 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 điều 232 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lù Văn L từ 6 đến 9 tháng tù;

Về vật chứng và nghĩa vụ chịu án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo L nhất trí với tội danh, điều luật, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ mức hình phạt do đại diện Viện kiểm sát đề nghị nhưng cho rằng bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng ổn định, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo và được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với đề nghị của Viện Kiểm sát về tội danh, mức hình phạt và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự trình bày: Bị cáo đã có hành vi khai thác rừng trái phép nên đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hành vi phạm tội của bị cáo và tịch thu tang vật theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Q trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, sơ đồ hiện trường và

các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2019 đến tháng 8/2020 Lù Văn L đã có hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ Gội nếp thuộc nhóm IV với khối lượng 11.844 m³ và 01 cây gỗ Sâng trà thuộc nhóm VI có khối lượng 0,593 m³, tổng khối lượng gỗ quy tròn là 12,437 m³ tại khu vực rừng tự nhiên với chức năng là rừng sản xuất thuộc lô 45, khoảnh 11, tiểu khu 328 chủ rừng là cộng đồng dân cư thôn B, xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Do vậy hành vi trên của bị cáo L đã phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm b khoản 1 điều 232 Bộ luật Hình sự của Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Như vậy cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của quản lý nhà nước về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Bị cáo là đảng viên, đã được nghe tuyên truyền các quy định của nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, nhận thức được rằng hành vi khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Việc cho bị cáo được hưởng án treo sẽ không đủ sức để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và công tác phòng chống tội phạm nói chung. Do vậy người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời phòng ngừa tình trạng chặt phá rừng trái phép đang xảy ra trên địa bàn huyện nói chung.

[4] Song tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu, cả bố và mẹ bị cáo đều là người có thành tích trong cuộc kháng chiến chống mỹ cứu nước, bố bị cáo được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, mẹ bị cáo được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Đối với Chín Văn Tr và Vàng Văn Th tuy không phải là người chặt cây gỗ Gội nếp nhưng đã có hành vi giúp sức cho Lù Văn L xẻ cây Gội nếp, tổng cộng khối lượng gỗ Tr và Th đã chặt hạ và xẻ là 2, 533 m³ gỗ. Xét thấy hành vi xẻ gỗ của Th và Tr chưa đến mức xử lý về hình sự. Quá trình điều tra Ủy ban nhân dân huyện Q đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Chín Văn Tr và Vàng Văn Th. Vì vậy tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Q không có yêu cầu về bồi thường thiệt hại, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc máy cưa xăng 365 nhãn hiệu HUSQVARNA, màu đỏ, đã qua sử dụng của Chấn Văn Tr là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 12,437 m³ gỗ Gội nếp và gỗ Sâng quy tròn, trong đó gỗ tròn 08 khúc, gỗ xẻ 20 khúc, gỗ bổ nhổng 20 khúc; tổng khối lượng gỗ xẻ là 1,940 m³, gỗ tròn 11,272 m³ là vật chứng của vụ án, có giá trị sử dụng nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về án phí: Bị cáo L là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế khó khăn và có đơn xin miễn án phí vì vậy đề nghị của người bào chữa là có cơ sở nên được chấp nhận xem xét cho bị cáo được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lù Văn L phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lù Văn L 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc máy cưa xăng 365 nhãn hiệu HUSQVARNA, màu đỏ, đã qua sử dụng;

- 12,437 m³ gỗ Gội nếp và gỗ Sâng trà quy tròn, trong đó gỗ xẻ là 1,940 m³, gỗ tròn 11,272 m³ gồm gỗ tròn 08 khúc, gỗ xẻ 20 khúc, gỗ bổ nhổng 20 khúc.

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an, Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang và Ủy ban nhân dân xã X ngày 10/12/2020 và biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang ngày 24/11/2020.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lù Văn L được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp Hà Giang;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh;
- VKSND huyện Q;
- CA huyện Q;
- CCTHADS huyện Q;
- UBND X;
- UBND huyện Q;
- Bị cáo; người liên quan;
- Lưu hồ sơ, AV.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hải Phương